

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2012 – 2013

MÔN TOÁN – LỚP 4

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 3 ĐIỂM

Câu 1 (2 điểm). Khoanh đúng mỗi ý được 0,5 điểm.

Đ.A: a) khoanh vào D b) khoanh vào C c) khoanh vào A d) khoanh vào D

Câu 2 (1 điểm). Đúng mỗi phần được 0,5 điểm.

a) $8m^2 4dm^2 = 804 dm^2$

b) $26 000dm^2 = 260 m^2$

II. PHẦN TỰ LUẬN: 7 ĐIỂM

Câu 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm; đặt tính đúng mỗi phép tính nhưng tính sai hoặc đặt tính sai nhưng tính đúng không được điểm.

Kết quả lần lượt là: 619362 ; 472636 ; 53500 ; 3150

Câu 2 (2 điểm). Mỗi phần đúng được 1 điểm

a) Tìm x : $7875 : x = 45$

$$x = 7875 : 45 \quad (0,5 \text{ điểm})$$

$$x = 175 \quad (0,5 \text{ điểm})$$

b) Tính giá trị của biểu thức:

$$25 800 : 100 + 32 \times 11 = 258 + 352 \quad (0,5 \text{ điểm})$$

$$= 610 \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Câu 3 (2 điểm). Đúng mỗi phần được 1 điểm.

a) Nếu xếp mỗi phòng 15 bộ bàn ghế thì được số phòng là: *(0,25 điểm)*

$$180 : 15 = 12 \text{ (phòng)} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Đáp số: 12 phòng *(0,25 điểm)*

b) Ta có: $180 : 16 = 11$ (dư 4) *(0,5 điểm)*

Vậy nếu xếp mỗi phòng 16 bộ bàn ghế thì được 11 phòng và còn thừa 4 bộ bàn ghế

(0,25 điểm)

Đáp số: 11 phòng, thừa 4 bộ bàn ghế (0,25 điểm)

Câu 4 (1 điểm). Mỗi phần đúng được 0,5 điểm

a) 1 ; 4 ; 9; 16 ; **25**

b) Muốn đánh số từ số 1 đến 150 (kể cả 150) ta phải dùng 9 số có một chữ số, 90 số có hai chữ số và $150 - 99 = 51$ số có ba chữ số. (0,25 điểm)

Như vậy, ta phải dùng: $9 + 2 \times 90 + 3 \times 51 = 342$ chữ số (0,25 điểm)

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2012 – 2013

MÔN TIẾNG VIỆT – LỚP 4

I. KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

1. **Đọc thành tiếng:** 5 điểm. (có HD riêng)

2. **Đọc thầm và làm bài tập:** 5 điểm. Câu 1, 2, 3, 4, 5, 7, mỗi câu đúng được 0,5 điểm; câu 6, 8, mỗi câu đúng được 1 điểm.

Đáp án:

Câu 1 – B Câu 2 – A Câu 3 – C Câu 4 – C

Câu 5: Lúc nhàn rồi, cậu nặn những con giống bằng đất sét trông y như thật.

Câu 6: Đúng mỗi từ được 0,25 điểm.

Các động từ: *nở, cho*

Các tính từ: *rực rỡ, tung bừng.*

Câu 7: Viết câu đúng yêu cầu, có nghĩa rõ ràng, đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm hỏi được 0,5 điểm.

Nếu câu không có nghĩa, nghĩa không phù hợp yêu cầu không được điểm; đầu câu không viết hoa trừ 0,1 điểm; cuối câu không có dấu câu trừ 0,15 điểm.

Câu 8: Viết đúng từ theo yêu cầu được 0,5 điểm.

Viết câu đúng yêu cầu, có nghĩa rõ ràng, đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu câu được 0,5 điểm.

Nếu câu không có từ vừa tìm được hoặc câu không có nghĩa, nghĩa không phù hợp không được điểm; đầu câu không viết hoa trừ 0,1 điểm; cuối câu không có dấu câu trừ 0,15 điểm.

II. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

1. Chính tả (nghe – viết): 5 điểm

Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đẹp được 5 điểm.

Học sinh viết sai, lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh, không viết hoa đúng quy định cứ 2 lỗi trừ 1 điểm.

** Lưu ý: Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bản ... toàn bài trừ tối đa 1 điểm.*

2. Tập làm văn: 5 điểm

HS viết được bài văn (khoảng 12 câu) theo đúng yêu cầu đề bài, trình bày đúng hình thức bức thư; câu văn dùng từ đúng, không sai ngữ pháp; chữ viết rõ ràng, sạch sẽ: 5 điểm.

Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết, có thể cho các mức điểm: 4,5; 4; 3,5; 3; 2,5; 2; 1,5; 1; 0,5

*** Điểm toàn bài là số tự nhiên, là điểm trung bình cộng của KT đọc và KT viết, làm tròn 0,5 thành 1**